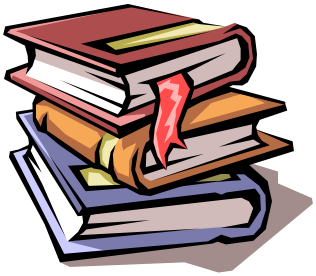
Tailieumontoan.com

Điện thoại (Zalo) 039.373.2038



CHUYÊN ĐỀ

BIỂU ĐỒ CỘT, BIỂU ĐỒ CỘT KÉP

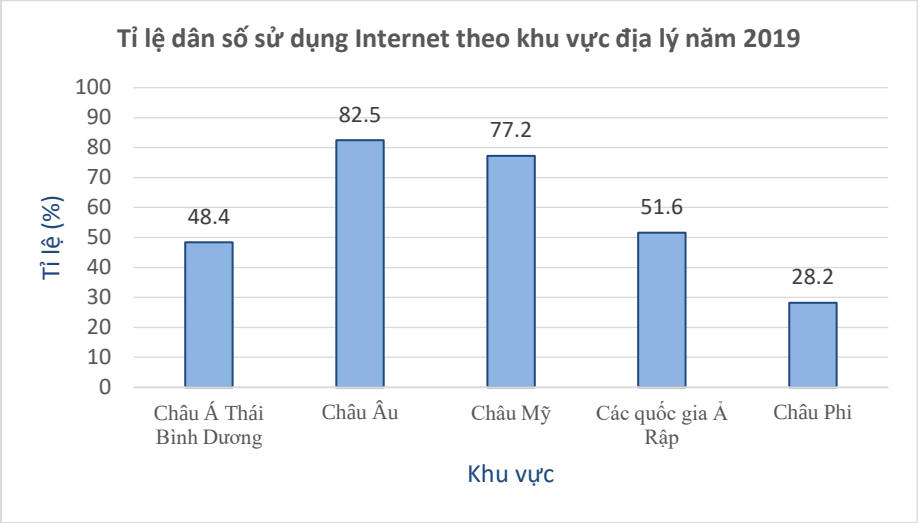
(Liên hệ bản word Zalo và SĐT 039.373.2038)

Tài liệu sưu tầm, ngày 09 tháng 10 năm 2021

BIỂU ĐỒ CỘT, BIỂU ĐỒ CỘT KÉP
10 NHẬN BIẾT : 10 THÔNG HIỂU : 5 VẬN DỤNG : 5 VẬN DỤNG CAO
TOÁN 6 -CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

10 CÂU NHẬN BIẾT

Sử dụng biểu đồ ở hình 1 và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 3.



(Theo Wikipedia)

Hình 1

Câu 1. Khu vực Châu Mỹ có tỉ lệ dân số sử dụng Internet là:

A. $28,2\%$. **B.** $51,6\%$. **C.** $48,4\%$. **D.** $77,2\%$.

Câu 2. Khu vực nào có tỉ lệ dân số sử dụng Internet cao nhất?

A. Châu Á Thái Bình Dương. **B.** Châu Âu.

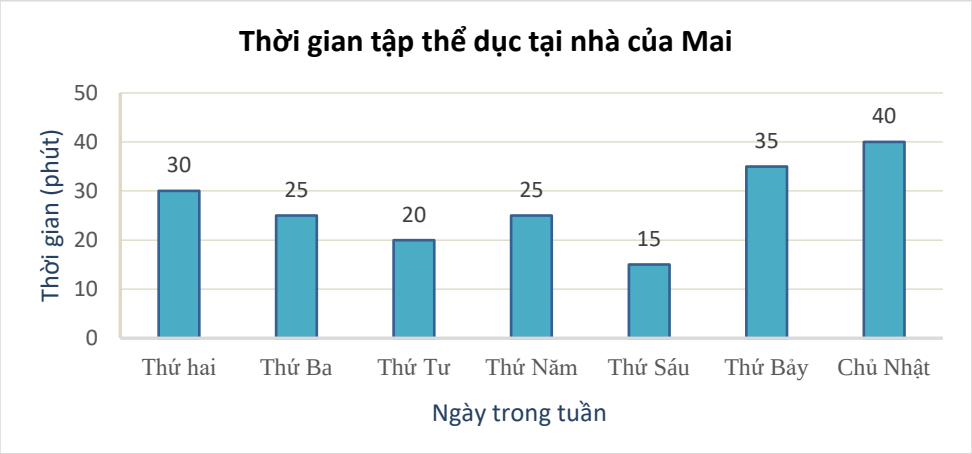
C. Châu Mỹ. **D.** Châu Phi.

Câu 3. Khu vực nào có tỉ lệ dân số sử dụng Internet thấp nhất?

A. Châu Phi. **B.** Châu Á.

C. Các quốc gia Ả Rập. **D.** Châu Mỹ.

Sử dụng biểu đồ ở hình 2 và trả lời các câu hỏi từ Câu 4 đến Câu 5.



Hình 2

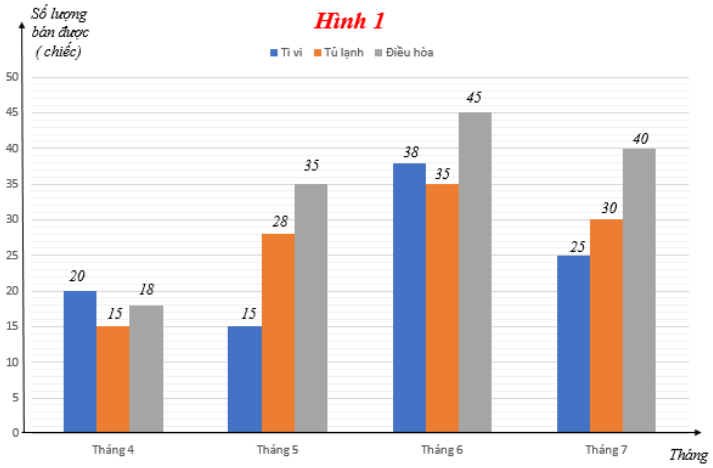
Câu 4. Thời gian tập thể dục ở nhà của Mai vào thứ Ba là bao nhiêu phút?

A. 20 phút. **B.** 25 phút. **C.** 15 phút. **D.** 30 phút.

Câu 5. Ngày nào trong tuần Mai dành thời gian tập thể dục ở nhà ít nhất?

A. Thứ Hai. **B.** Thứ Tứ. **C.** Thứ Sáu. **D.** Chủ Nhật.

Số lượng tivi, tủ lạnh và điều hòa bán được tại một cửa hàng điện máy trong một số tháng của năm 2020 được biểu diễn bằng biểu đồ hình 1 sau. Sử dụng số liệu trên để trả lời câu hỏi từ *(câu 6 đến câu 10).*



Câu 6. Biểu đồ trên gọi là

A. Biểu đồ cột kép. **B.** Biểu đồ cột.

C. Biểu đồ đường. **D.** Biểu đồ tranh.

Câu 7. Tháng bán được nhiều điều hòa nhất là

A. Tháng 4. **B.** Tháng 5. **C.** Tháng 6. **D.** Tháng 7.

Câu 8. Tháng bán được ít tủ lạnh nhất là

A. Tháng 6. **B.** Tháng 4. **C.** Tháng 5. **D.** Tháng 7.

Câu 9. Số ti vi cửa hàng bán được trong tháng 7 là

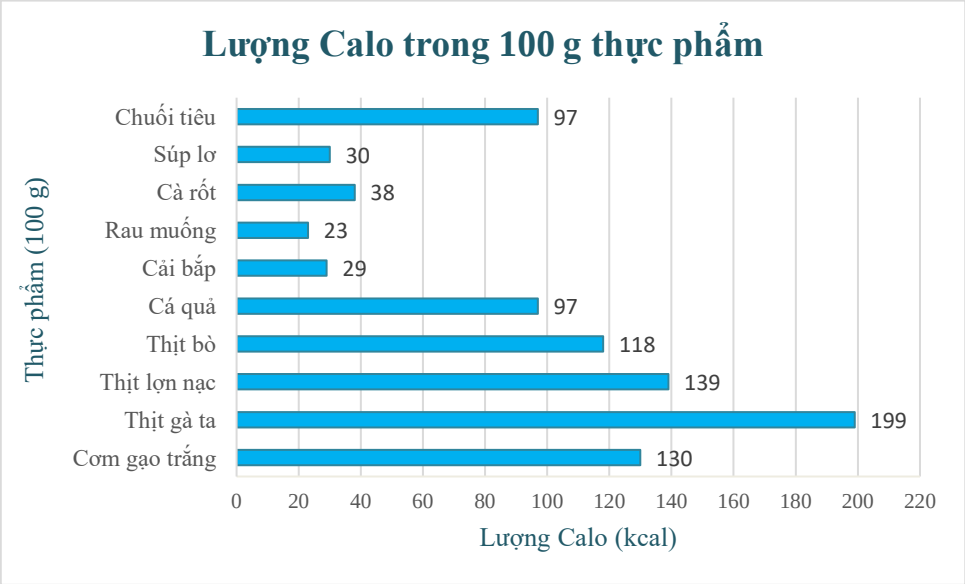
A. 25 chiếc. **B.** 30 chiếc. **C.** 40 chiếc. **D.** 95 chiếc.

Câu 10. Sản phẩm được bán chạy nhất trong tháng 7 là

A. Điều hòa. **B.** Ti vi. **C.** Tủ lạnh. **D.** Ti vi và tủ lạnh.

10 CÂU THÔNG HIỂU

Câu 11. *Calo (**Cal** hay **kcal**) là đơn vị đo năng lượng mà cơ thể chuyển hóa từ thức ăn để duy trì các hoạt động sống.* 1 *Cal* = 1 *kcal* = 1000 *cal.*

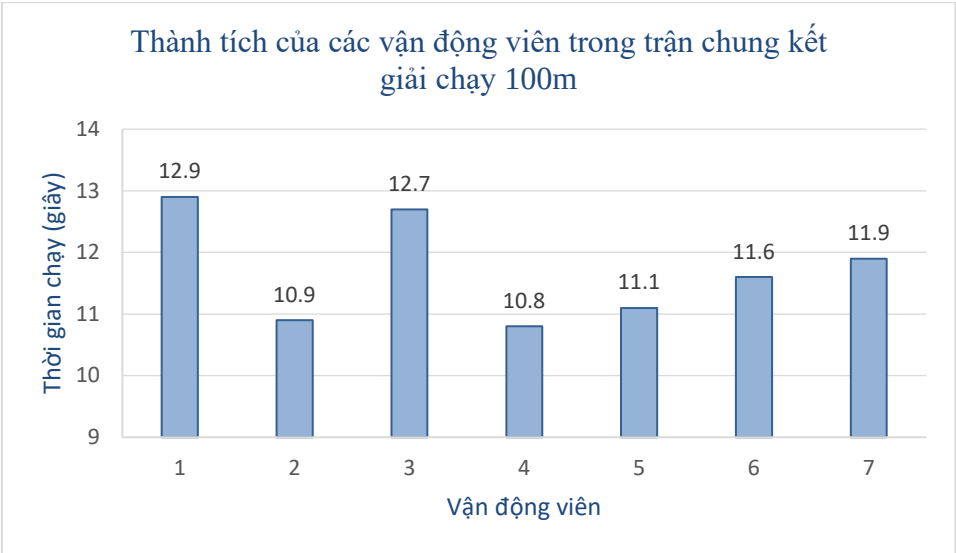


(Theo Viện dinh dưỡng quốc gia)

1 bát cơm chứa 100 g cơm gạo trắng. Nếu em ăn 3 bát cơm thì lượng năng lượng được nạp vào cơ thể là:

A. 300 kcal. **B.** 330 kcal. **C.** 270 kcal. **D.** 390 kcal.

Sử dụng biểu đồ ở hình 3 và trả lời các câu hỏi từ Câu 12 , Câu 13.



Hình 3

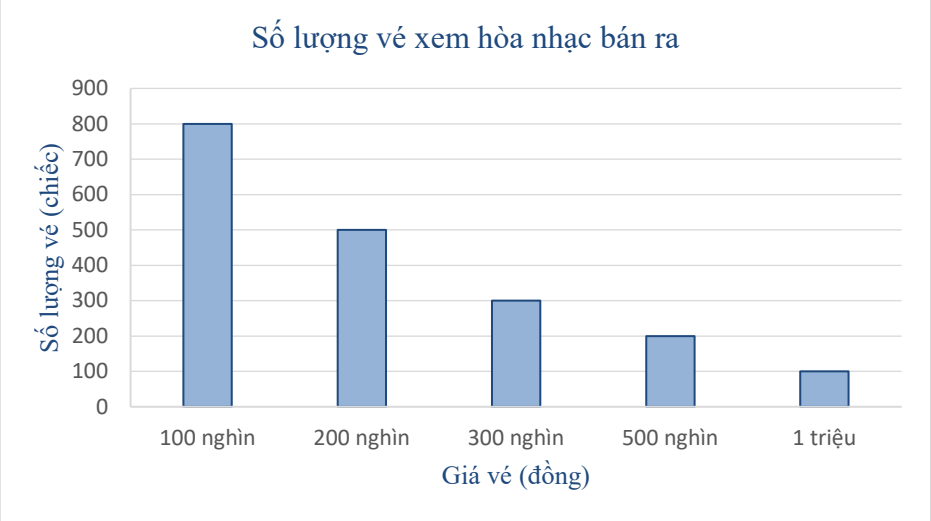
Câu 12. Vận động viên nào giành huy chương vàng?

A. 1. **B.** 5. **C.** 2. **D.** 4.

Câu 13. Vận động viên nào giành huy chương đồng?

A. 2. **B.** 6. **C.** 5. **D.** 3.

Sử dụng biểu đồ ở hình 4 và trả lời các câu hỏi từ Câu 14, Câu 15.



Hình 4

Câu 14. Số lượng vé mệnh giá 100 nghìn đồng bán ra gấp bốn lần số lượng vé bán được với mệnh giá

A. 1 triệu đồng. **B.** 400 nghìn đồng.

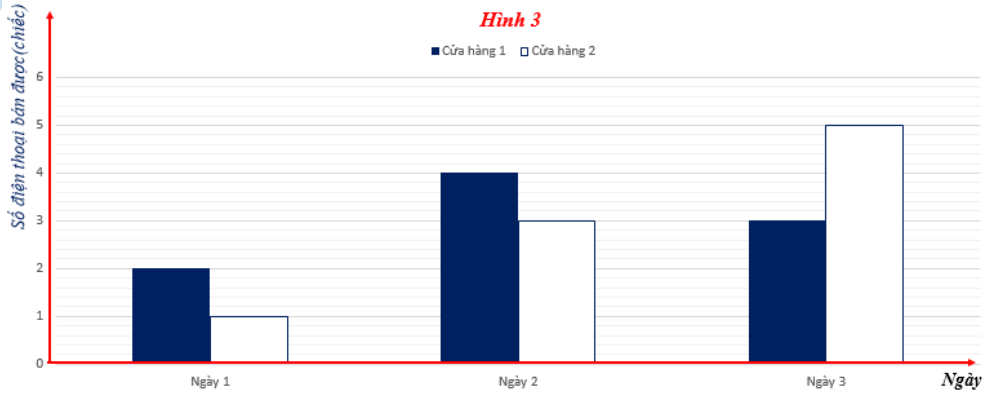
C. 500 nghìn đồng. **D.** 300 nghìn đồng.

Câu 15. Tổng số vé bán được là bao nhiêu?

A. 1800. **B.** 2100.

C. 2000. **D.** 1900.

Biểu đồ sau thống kê số điện thoại bán ra trong ba ngày của hai cửa hàng điện tử. Sử dụng biểu đồ hình 3 để trả lời câu hỏi từ câu 16 đến câu 20.



Câu 16. Cửa hàng 1 bán được bao nhiêu chiếc điện thoại trong ba ngày ?

A. 2. **B.** 4. **C.** 3. **D.** 9.

Câu 17. Cửa hàng 2 bán được bao nhiêu chiếc điện thoại trong ba ngày ?

A. 1. **B.** 5. **C.** 3. **D.** 9.

Câu 18. Trong hai ngày đầu, cả hai cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc điện thoại ?

A. 3. **B.** 7. **C.** 10. **D.** 6.

Câu 19. Trong ba ngày, cả hai cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc điện thoại ?

A. 18. **B.** 9. **C.** 10. **D.** 8.

Câu 20. Nhận định về số điện thoại bán được của hai cửa hàng trong 3 ngày, khẳng định nào dưới đây đúng ?

A. Cửa hàng 1 bán được nhiều hơn cửa hàng 2.

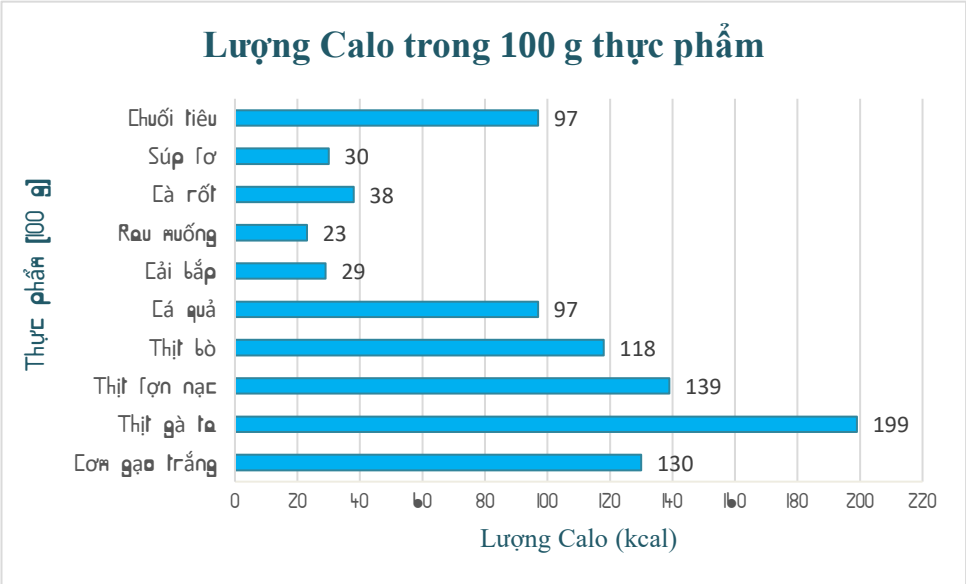
B. Cửa hàng 2 bán được nhiều hơn cửa hàng 1.

C. Cửa hàng 1 bán được ít hơn cửa hàng 2.

D. Hai cửa hàng bán được số lượng điện thoại như nhau.

5 CÂU VẬN DỤNG

Câu 21. *Calo (**Cal** hay **kcal**) là đơn vị đo năng lượng mà cơ thể chuyển hóa từ thức ăn để duy trì các hoạt động sống.* 1 *Cal* = 1 *kcal* = 1000 *cal.*



(Theo Viện dinh dưỡng quốc gia)

Nhận xét nào sau đây **không** đúng?

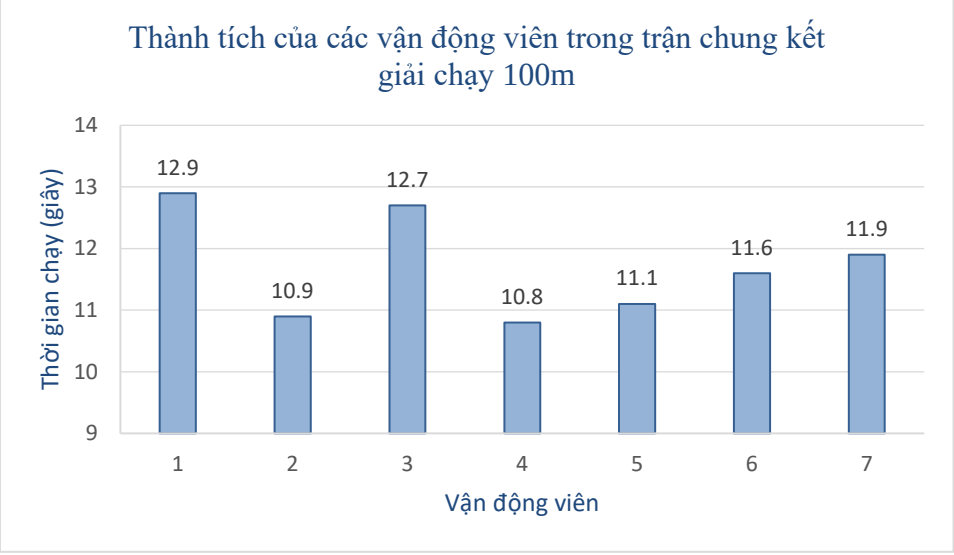
A. Rau củ ít năng lượng hơn thịt cá.

B. Cá ít năng lượng hơn các loại thịt.

C. Cơm gạo trắng ít năng lượng hơn rau củ.

D. Hoa quả (chuối) nhiều năng lượng hơn rau củ.

Câu 22. ***Cho biểu đồ thành tích của các vận động viên trong trận chung kết giải chạy 100m.***



Hình 7

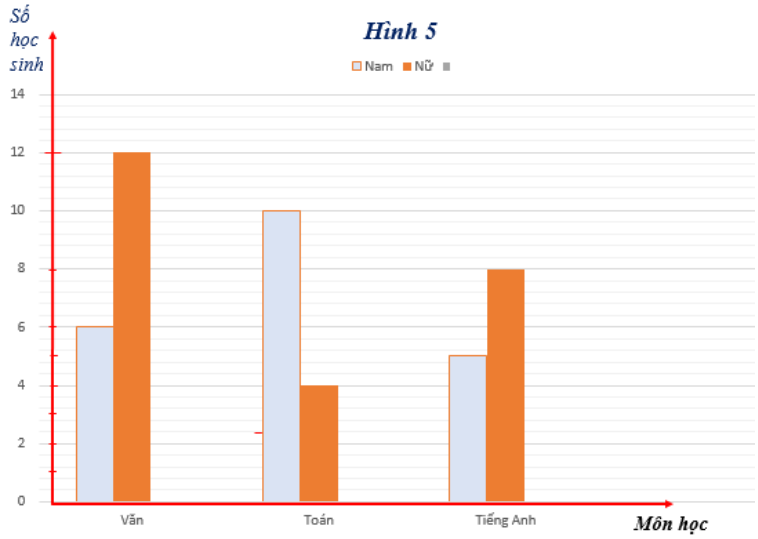
Biết rằng kỉ lục của giải trước trận chung kết là 10,9 giây. Nhận xét nào sau đây đúng?

A. Có 2 vận động viên phá kỉ lục.

B. Không có vận động viên nào phá kỉ lục.

C. Kỉ lục mới nhanh hơn kỉ lục cũ $0,1$ giây. **D.** Kỉ lục mới nhanh hơn kỉ lục cũ $0,2$ giây.

Biểu đồ *Hình 5* cho biết số lượng các bạn nam, nữ trong lớp 6A yêu thích ba môn học *(mỗi bạn chỉ được chọn 1 môn). Sử dụng số liệu Hình 5, trả lời câu hỏi từ 23 đến 25.*



Câu 23. Tỉ lệ học nữ sinh yêu thích môn Văn so với cả lớp là

A. $\frac{12}{6}$. **B.** $\frac{4}{15}$. **C.** $\frac{15}{4}$. **D.** $\frac{6}{12}$

Câu 24. Tỉ lệ phần trăm của học sinh yêu thích môn Văn so với cả lớp là

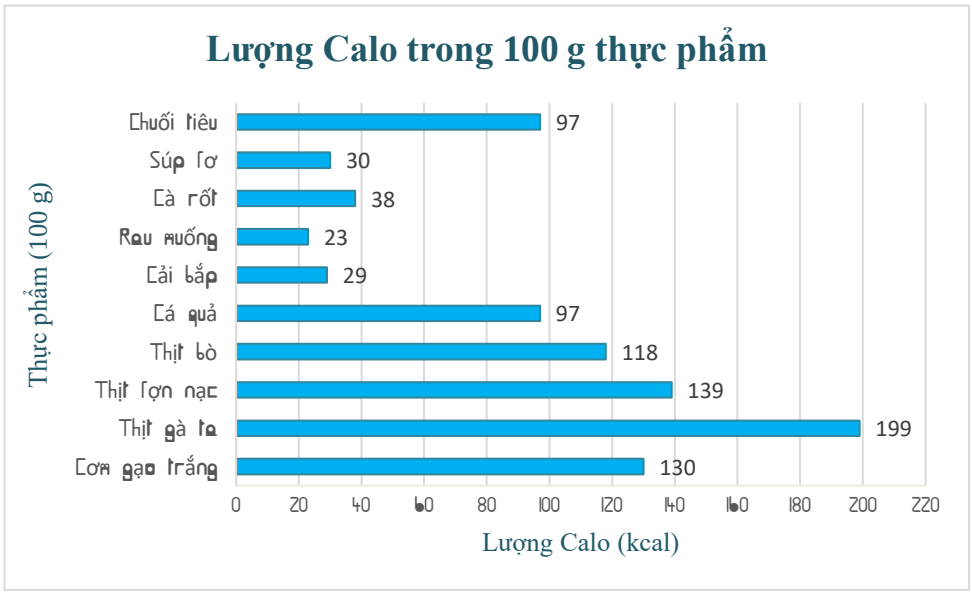
A. 4%. **B.** 40%. **C.** $26,7\%$. **D.** $13,3\%$

Câu 25. Tỉ lệ số học sinh nam và học sinh nữ của lớp là

A. $\frac{7}{9}$. **B.** $\frac{7}{8}$. **C.** $\frac{8}{9}$. **D.** $\frac{8}{7}$

5 CÂU VẬN DỤNG CAO

Câu 26. *Calo (**Cal** hay **kcal**) là đơn vị đo năng lượng mà cơ thể chuyển hóa từ thức ăn để duy trì các hoạt động sống.* 1 *Cal* = 1 *kcal* = 1000 *cal.*



(Theo Viện dinh dưỡng quốc gia)

Hình 3

Nếu lượng Calo nạp vào ít hơn lượng Calo cơ thể tiêu thụ thì khối lượng cơ thể sẽ giảm. Trong các thực đơn cho một bữa ăn sau, thực đơn nào phù hợp nhất để giảm cân?

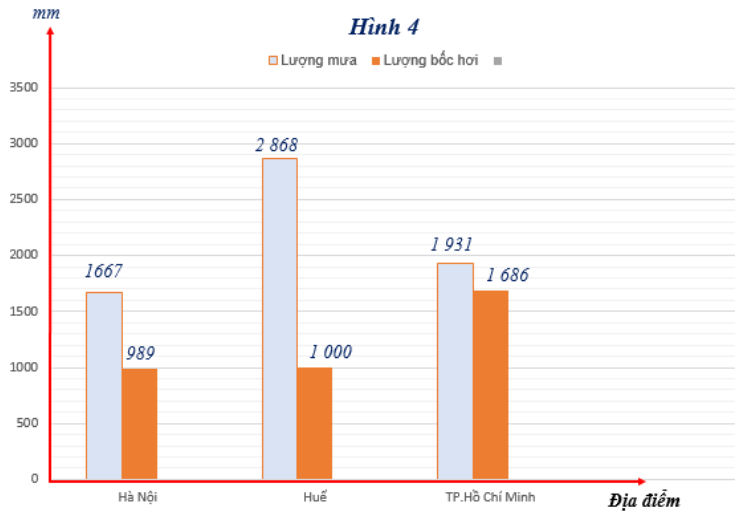
A. 1 bát cơm gạo trắng, 300 g thịt bò, 100 g cải bắp.

B. 2 bát cơm gạo trắng, 200 g thịt lợn nạc, 100 g súp lơ.

C. 3 bát cơm gạo trắng, 200 g thịt gà ta, 100 g rau muống.

D. 1 bát cơm gạo trắng, 200 g cá quả, 200 g cải bắp, 50 g cà rốt.

Câu 27. ***Biểu đồ cột kép ở** Hình 4 **biểu diễn lượng mưa và lượng bốc hơi tại ba địa điểm là Hà Nội, Huế và Thành phố Hồ Chí Minh vào mùa mưa.***

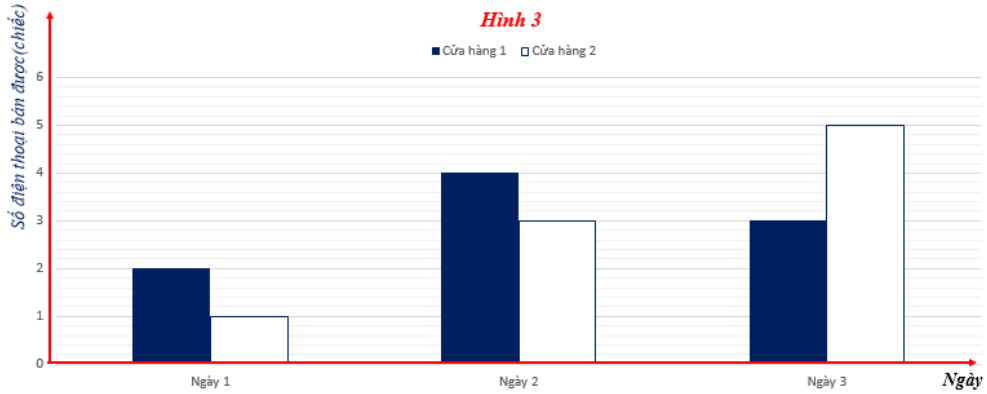


Cân bằng ẩm là hiệu của lượng mưa và lượng bốc hơi. Từ biểu đồ *Hình 4*, cho biết cân bằng ẩm ở nơi nào thấp nhất ?

A. Hà Nội. **B.** Thành phố Hồ Chí Minh.

C. Huế. **D.** Hà Nội và Huế.

Câu 28. *Biểu đồ hình 3 thống kê số điện thoại bán ra trong ba ngày của hai cửa hàng điện tử.*

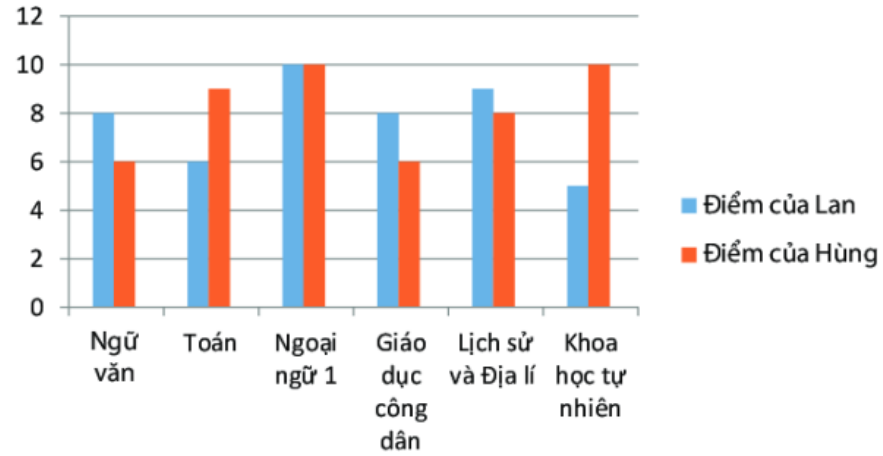


Do mới khai trương nên cửa hàng 2 có chương trình giảm giá 10% cho khách hàng mua trong hai ngày đầu. Nếu trung bình mỗi chiếc điện thoại bán ra có giá 7 500 000 (đồng). Trong ba ngày cửa hàng thứ hai bán được tất cả bao nhiêu tiền ?

A. 67 500 000 (đồng). **B.** 64 500 000 (đồng).

C. 65 400 000 (đồng). **D.** 60750000 (đồng)

Biểu đồ cột kép sau đây biểu diễn điểm kiểm tra các môn học của hai bạn Lan và Hùng.



Biết rằng môn Văn, Toán và Ngoại ngữ 1 tính điểm hệ số 2, các môn còn lại tính điểm hệ số 1. Sử dụng biểu đồ trên để trả lời câu 29 ***và câu*** 30.

Câu 29. Điểm trung bình các môn học của bạn Lan là *(kết quả làm tròn đến phần mười)*

A. 7,8. **B.** 7,7. **C.** 8,7. **D.** 8,8.

Câu 30. Điểm trung bình các môn học của bạn Hùng là *(kết quả làm tròn đến phần mười)*

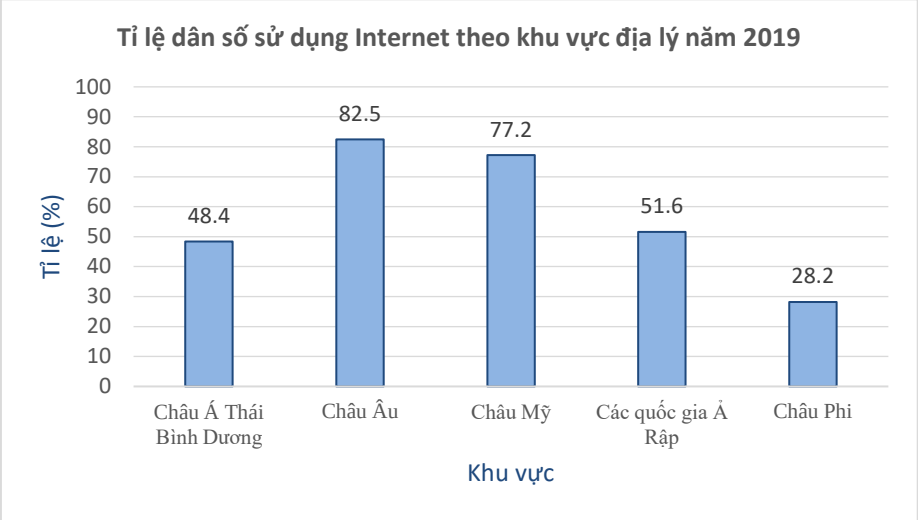
A. 8,2. **B.** 8,1. **C.** 8,3. **D.** 8,4.

BẢNG ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	B	A	B	C	A	C	B	A	A
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
D	D	C	C	D	D	D	C	A	D
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
C	C	B	B	B	D	B	B	A	A

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Sử dụng biểu đồ ở hình 1 và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 3.



(Theo Wikipedia)

Hình 1

Câu 1. Khu vực Châu Mỹ có tỉ lệ dân số sử dụng Internet là:

A. $28,2\%$. **B.** $51,6\%$. **C.** $48,4\%$. **D.** $77,2\%$.

Lời giải

Chọn A

Dựa vào biểu đồ, khu vực Châu Mỹ có tỉ lệ dân số sử dụng Internet là: 28.2%.

Câu 2. Khu vực nào có tỉ lệ dân số sử dụng Internet cao nhất?

A. Châu Á Thái Bình Dương. **B.** Châu Âu.

C. Châu Mỹ. **D.** Châu Phi.

Lời giải

Chọn B

Châu Âu có $82,5\%$ dân số sử dụng Internet, là cao nhất.

Câu 3. Khu vực nào có tỉ lệ dân số sử dụng Internet thấp nhất?

A. Châu Phi. **B.** Châu Á.

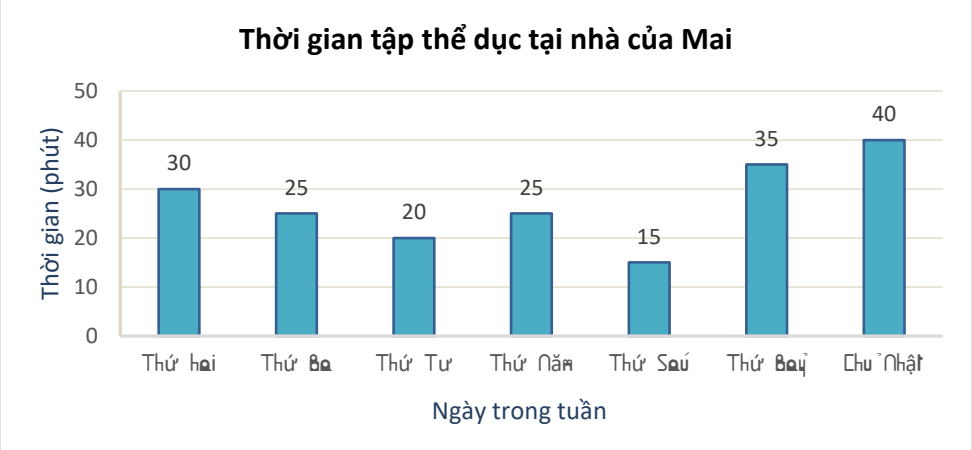
C. Các quốc gia Ả Rập. **D.** Châu Mỹ.

Lời giải

Chọn A

Châu Phi có $28,2\%$ dân số sử dụng Internet, là thấp nhất.

Sử dụng biểu đồ ở hình 2 và trả lời các câu hỏi từ Câu 4 đến Câu 5.



Hình 2

Câu 4. Thời gian tập thể dục ở nhà của Mai vào thứ Ba là bao nhiêu phút?

A. 20 phút. **B.** 25 phút. **C.** 15 phút. **D.** 30 phút.

Lời giải

Chọn B

Thời gian tập thể dục ở nhà của Mai vào thứ Ba là 25 phút.

Câu 5. Ngày nào trong tuần Mai dành thời gian tập thể dục ở nhà ít nhất?

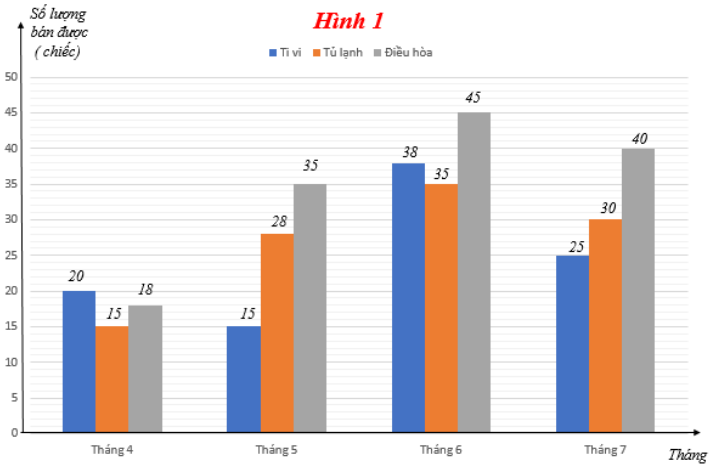
A. Thứ Hai. **B.** Thứ Tứ. **C.** Thứ Sáu. **D.** Chủ Nhật.

Lời giải

Chọn C

Thời gian Mai tập thể dục ở nhà thứ Sáu là 15 phút, ít nhất trong tuần.

Số lượng tivi, tủ lạnh và điều hòa bán được tại một cửa hàng điện máy trong một số tháng của năm 2020 được biểu diễn bằng biểu đồ hình 1 sau. Sử dụng số liệu trên để trả lời câu hỏi từ *(câu 6 đến câu 10).*



Câu 6. Biểu đồ trên gọi là

A. Biểu đồ cột kép. **B.** Biểu đồ cột.

C. Biểu đồ đường. **D.** Biểu đồ tranh.

Lời giải

Chọn A

Theo khái niệm biểu đồ cột kép.

Câu 7. Tháng bán được nhiều điều hòa nhất là

A. Tháng 4. **B.** Tháng 5. **C.** Tháng 6. **D.** Tháng 7.

Lời giải

Chọn C

Dựa vào dữ liệu trên biểu đồ. Tháng 6 bán được 45 chiếc điều hòa là nhiều nhất.

Câu 8. Tháng bán được ít tủ lạnh nhất là

A. Tháng 6. **B.** Tháng 4. **C.** Tháng 5. **D.** Tháng 7.

Lời giải

Chọn B

Dựa vào dữ liệu trên biểu đồ. Tháng 4 bán được 15 chiếc tủ lạnh là ít nhất.

Câu 9. Số ti vi cửa hàng bán được trong tháng 7 là

A. 25 chiếc. **B.** 30 chiếc. **C.** 40 chiếc. **D.** 95 chiếc.

Lời giải

Chọn A

Dựa vào dữ liệu trên biểu đồ. Số ti vi bán được trong tháng 7 là 25 chiếc.

Câu 10. Sản phẩm được bán chạy nhất trong tháng 6 là

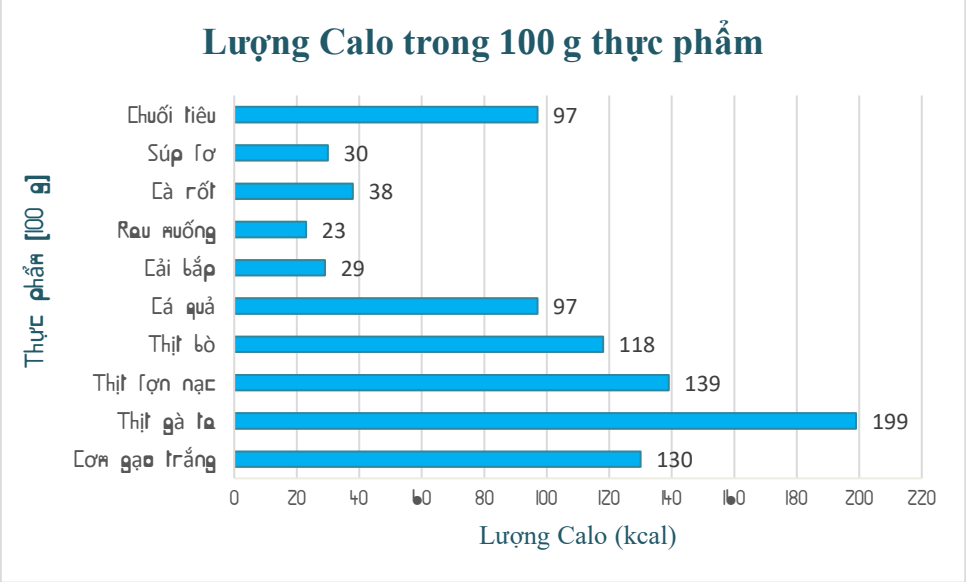
A. Điều hòa. **B.** Ti vi. **C.** Tủ lạnh. **D.** Ti vi và tủ lạnh.

Lời giải

Chọn A

Dựa vào dữ liệu trên biểu đồ. Số điều hòa bán được trong tháng 6 là nhiều nhất với 45 chiếc.

Câu 11. *Calo (**Cal** hay **kcal**) là đơn vị đo năng lượng mà cơ thể chuyển hóa từ thức ăn để duy trì các hoạt động sống. 1 Cal = 1 kcal = 1000 cal.*



(Theo Viện dinh dưỡng quốc gia)

1 bát cơm chứa 100 g cơm gạo trắng. Nếu em ăn 3 bát cơm thì lượng năng lượng được nạp vào cơ thể là

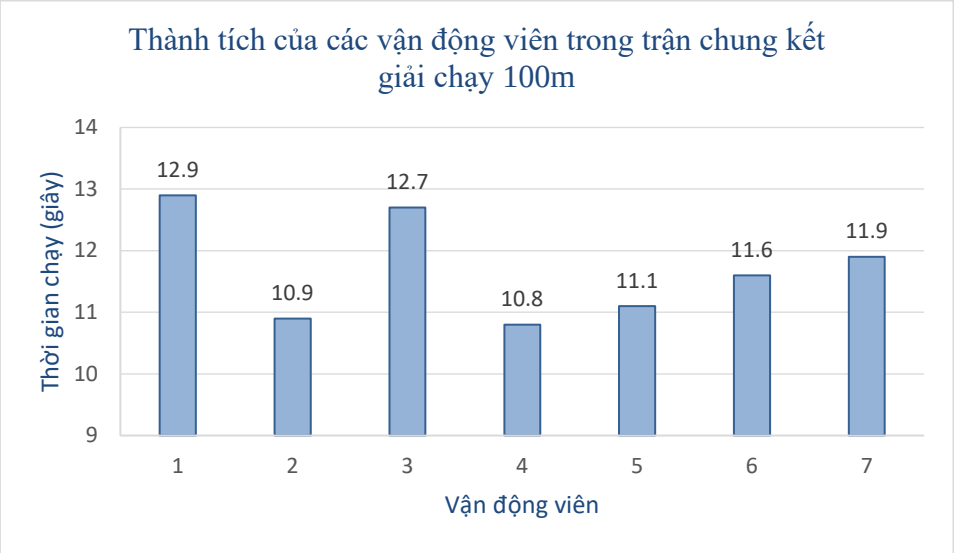
A. 300 kcal. **B.** 330 kcal. **C.** 270 kcal. **D.** 390 kcal.

Lời giải

Chọn D

3 bát cơm hay 300 g cơm gạo trắng có $3\times130=390$ kcal.

Sử dụng biểu đồ ở hình 3 và trả lời các câu hỏi từ Câu 12 , Câu 13.



Hình 3

Câu 12. Vận động viên nào giành huy chương vàng?

A. 1. **B.** 5. **C.** 2. **D.** 4.

Lời giải

Chọn D

Vận động viên số 4 chạy với thời gian ngắn nhất là 10,8 giây.

Câu 13. Vận động viên nào giành huy chương đồng?

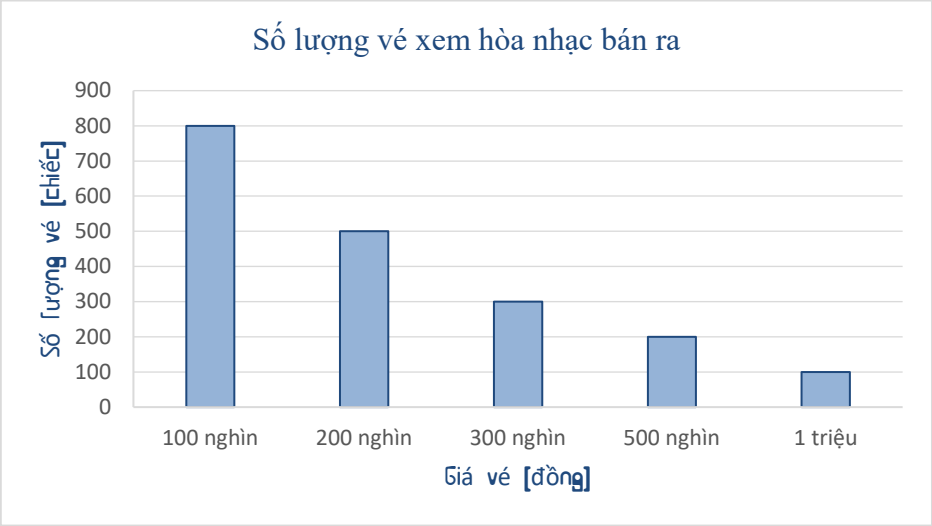
A. 2. **B.** 6. **C.** 5. **D.** 3.

Lời giải

Chọn C

Vận động viên số 5 chạy với thời gian 11,1 giây, chỉ kém hai vận động viên số 2 và số 4 nên nhận huy chương đồng.

Sử dụng biểu đồ ở hình 4 và trả lời các câu hỏi từ Câu 14, Câu 15.



Hình 4

Câu 14. Số lượng vé mệnh giá 100 nghìn đồng bán ra gấp bốn lần số lượng vé bán được với mệnh giá

A. 1 triệu đồng. **B.** 400 nghìn đồng.

C. 500 nghìn đồng. **D.** 300 nghìn đồng.

Lời giải

Chọn C

Có 300 vé mệnh giá 100 nghìn đồng được bán, 200 vé mệnh giá 500 nghìn đồng được bán.

Câu 15. Tổng số vé bán được là bao nhiêu?

A. 1800. **B.** 2100.

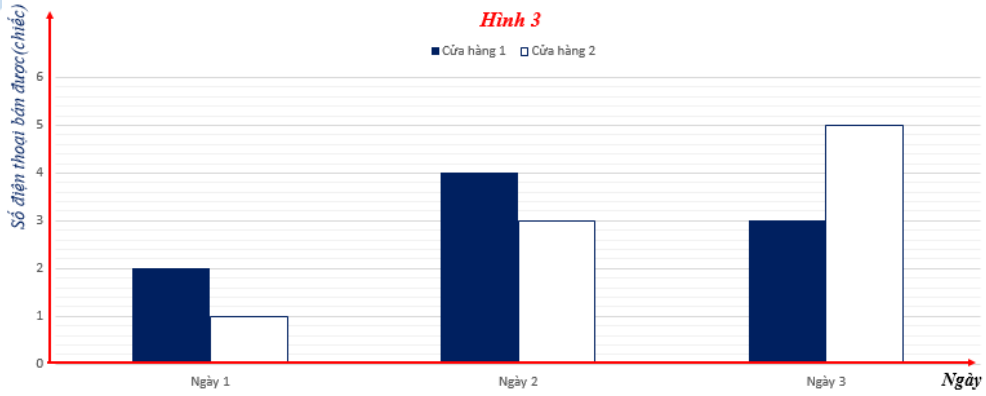
C. 2000. **D.** 1900.

Lời giải

Chọn D

Tổng số vé bán ra là: $800+500+300+200+100=1900$ (vé).

Biểu đồ hình 3 thống kê số điện thoại bán ra trong ba ngày của hai cửa hàng điện tử. Sử dụng biểu đồ hình 3 để trả lời câu hỏi từ câu 16 đến câu 20.



Câu 16. Cửa hàng 1 bán được bao nhiêu chiếc điện thoại trong ba ngày ?

A. 2. **B.** 4. **C.** 3. **D.** 9.

Lời giải

Chọn D

Trong ba ngày, cửa hàng 1 bán được số điện thoại là $2+4+3=9$(chiếc)

Câu 17. Cửa hàng 2 bán được bao nhiêu chiếc điện thoại trong ba ngày ?

A. 1. **B.** 5. **C.** 3. **D.** 9.

Lời giải

Chọn D

Trong ba ngày, cửa hàng 2 bán được số điện thoại là $1+5+3=9$(chiếc)

Câu 18. Trong hai ngày đầu, cả hai cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc điện thoại ?

B. 3. **B.** 7. **C.** 10. **D.** 6.

Lời giải

Chọn C

Trong hai ngày đầu, cả hai cửa hàng bán được số điện thoại là $1+2+3+4=10$(chiếc)

Câu 19. Trong ba ngày, cả hai cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc điện thoại ?

A. 18. **B.** 9. **C.** 10. **D.** 8.

Lời giải

Chọn A

Trong ba ngày, cả hai cửa hàng bán được số điện thoại là $1+2+3+4+3+5=18$(chiếc)

Câu 20. Nhận định về số điện thoại bán được của hai cửa hàng trong 3 ngày, khẳng định nào dưới đây đúng ?

A. Cửa hàng 1 bán được nhiều hơn cửa hàng 2.

B. Cửa hàng 2 bán được nhiều hơn cửa hàng 1.

C. Cửa hàng 1 bán được ít hơn cửa hàng 2.

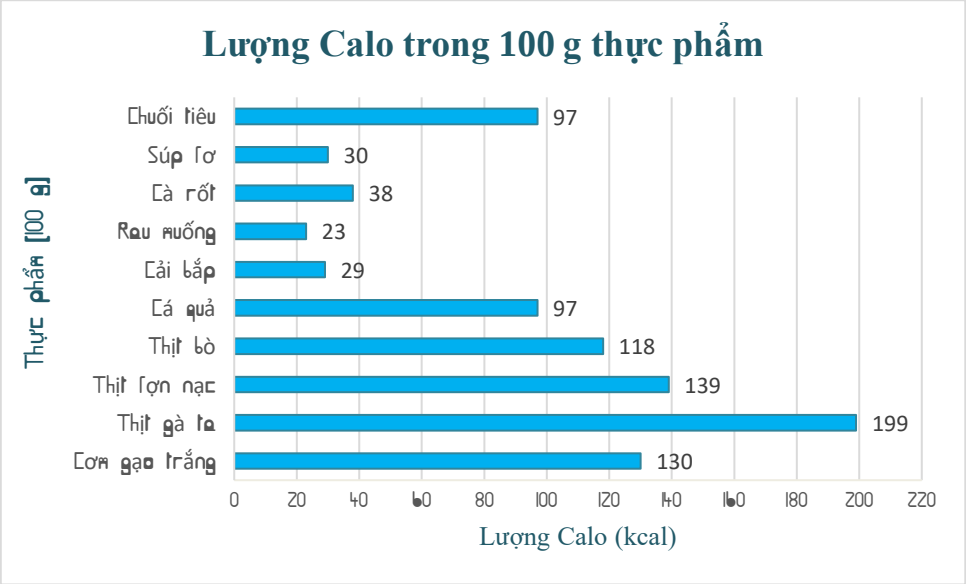
D. Hai cửa hàng bán được số lượng điện thoại như nhau.

Lời giải

Chọn D

Trong ba ngày, cửa hàng 1 và cửa hàng 2 cùng bán được số điện thoại là $2+3+4=1+3+5=9$ (chiếc)

Câu 21. *Calo (**Cal** hay **kcal**) là đơn vị đo năng lượng mà cơ thể chuyển hóa từ thức ăn để duy trì các hoạt động sống.1 Cal = 1 kcal = 1000 cal.*



(Theo Viện dinh dưỡng quốc gia)

Hình 3

Nhận xét nào sau đây **không** đúng?

A. Rau củ ít năng lượng hơn thịt cá.

B. Cá ít năng lượng hơn các loại thịt.

C. Cơm gạo trắng ít năng lượng hơn rau củ.

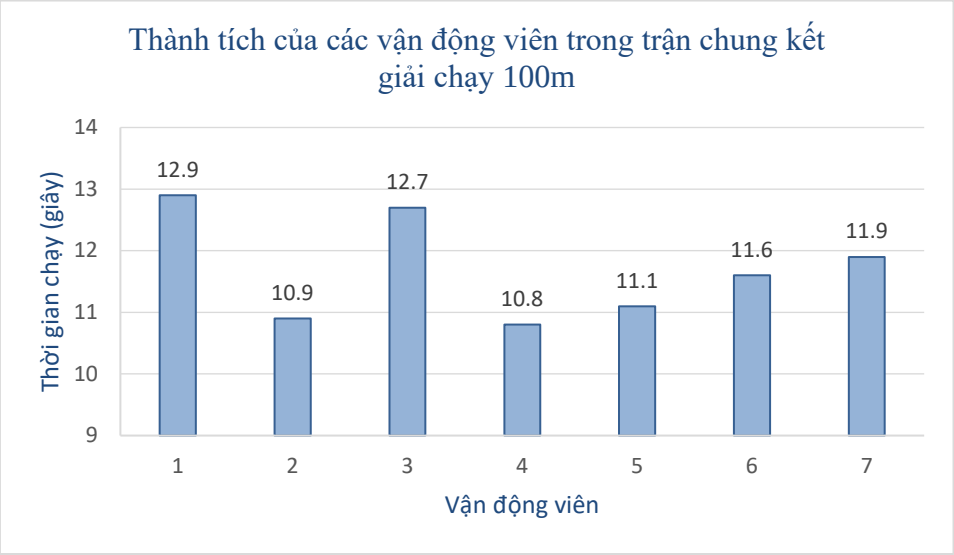
D. Hoa quả (chuối) nhiều năng lượng hơn rau củ.

Lời giải

Chọn C

100 g cơm gạo trắng có 130 kcal, nhiều năng lượng hơn các loại rau củ được liệt kê, đều có dưới 100 kcal trong 100 g.

Câu 22. ***Cho biểu đồ thành tích của các vận động viên trong trận chung kết giải chạy 100m.***



Hình 7

Biết rằng kỉ lục của giải trước trận chung kết là 10,9 giây. Nhận xét nào sau đây đúng?

A. Có 2 vận động viên phá kỉ lục.

B. Không có vận động viên nào phá kỉ lục.

C. Kỉ lục mới nhanh hơn kỉ lục cũ 0,1 giây.

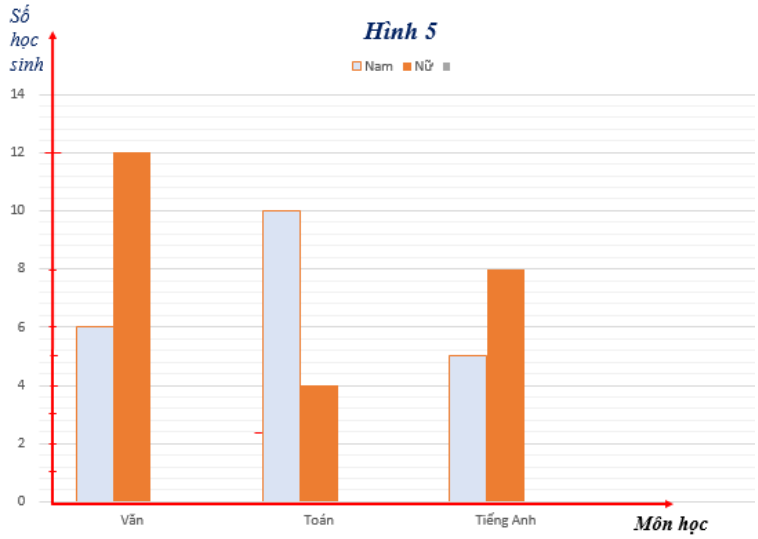
D. Kỉ lục mới nhanh hơn kỉ lục cũ 0,2 giây.

Lời giải

Chọn C

Vận động viên giành huy chương vàng lập kỉ lục mới với 10,8 giây, nhanh hơn kỉ lục cũ 0,1 giây.

Biểu đồ *Hình 5* cho biết số lượng các bạn nam, nữ trong lớp 6A yêu thích ba môn học *(mỗi bạn chỉ được chọn 1 môn). Sử dụng số liệu Hình 5, trả lời câu hỏi từ 23 đến 27.*



Câu 23. Tỉ lệ học nữ sinh yêu thích môn Văn so với cả lớp là

A. $\frac{12}{6}$. **B.** $\frac{4}{15}$. **C.** $\frac{15}{4}$. **D.** $\frac{6}{12}$

Lời giải

Chọn B

Số học lớp 6A là $6+12+10+4+5+8=45$ (học sinh)

Số học sinh nữ sinh yêu thích môn Văn là 12 học sinh.

Tỉ lệ học nữ sinh yêu thích môn Văn so với cả lớp là $\frac{12}{45}=\frac{4}{15}$

Câu 24. Tỉ lệ phần trăm của học sinh yêu thích môn Văn so với cả lớp là

A. 4%. **B.** 40%. **C.** $26,7\%$. **D.** $13,3\%$

Lời giải

Chọn B

Số học sinh yêu thích môn Văn chiếm tỉ lệ phần trăm là $\frac{18.100}{45}\%=40\%$

Câu 25. Tỉ lệ số học sinh nam và học sinh nữ của lớp là

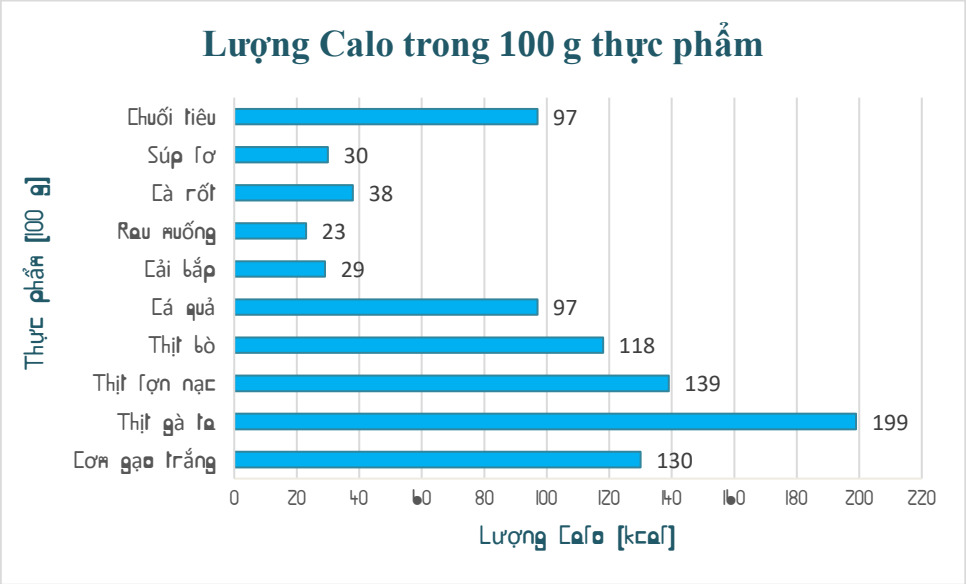
A. $\frac{7}{9}$. **B.** $\frac{7}{8}$. **C.** $\frac{8}{9}$. **D.** $\frac{8}{7}$

Lời giải

Chọn B

Tỉ lệ số học sinh nam và học sinh nữ là $\frac{6+10+5}{12+4+8}=\frac{21}{24}=\frac{7}{8}$

Câu 26. *Calo (**Cal** hay **kcal**) là đơn vị đo năng lượng mà cơ thể chuyển hóa từ thức ăn để duy trì các hoạt động sống. 1 Cal = 1 kcal = 1000 cal.*



(Theo Viện dinh dưỡng quốc gia)

Hình 3

Nếu lượng Calo nạp vào ít hơn lượng Calo cơ thể tiêu thụ thì khối lượng cơ thể sẽ giảm. Trong các thực đơn cho một bữa ăn sau, thực đơn nào phù hợp nhất để giảm cân?

A. 1 bát cơm gạo trắng, 300 g thịt bò, 100 g cải bắp.

B. 2 bát cơm gạo trắng, 200 g thịt lợn nạc, 100 g súp lơ.

C. 3 bát cơm gạo trắng, 200 g thịt gà ta, 100 g rau muống.

D. 1 bát cơm gạo trắng, 200 g cá quả, 200 g cải bắp, 50g cà rốt.

Lời giải

Chọn D

Tính lần lượt lượng năng lượng của mỗi thực đơn:

- Thực đơn A: 1 bát cơm gạo trắng, 300 g thịt bò, 200 g cải bắp.

$$\frac{100}{100}\times 130+\frac{300}{100}\times 118+\frac{100}{100}\times 29=513 \text{ kcal}.$$

- Thực đơn B: 2 bát cơm gạo trắng, 200 g thịt lợn nạc, 100 g súp lơ.

$$\frac{200}{100}\times 130+\frac{200}{100}\times 139+\frac{100}{100}\times 30=568 \text{ kcal}.$$

- Thực đơn C: 3 bát cơm gạo trắng, 200 g thịt gà ta, 100 g rau muống.

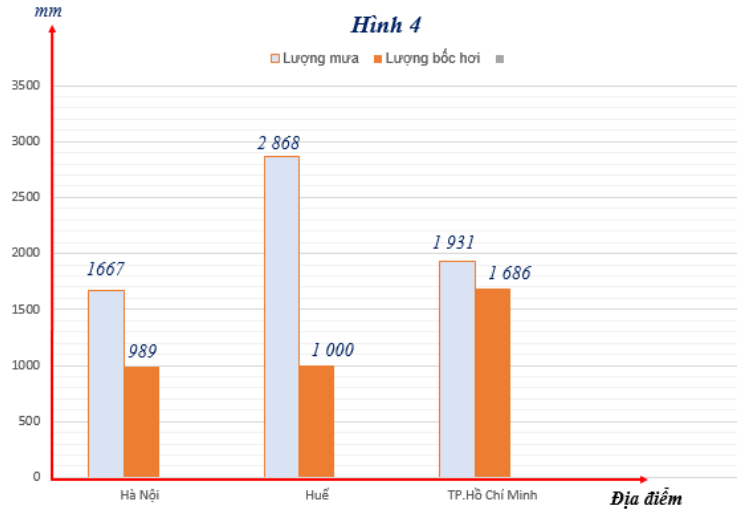
$$\frac{300}{100}\times 130+\frac{200}{100}\times 199+\frac{100}{100}\times 23=745 \text{ kcal}.$$

- Thực đơn D: 1 bát cơm gạo trắng, 200 g cá quả, 200 g cải bắp, 50 g cà rốt.

$$\frac{100}{100}\times 130+\frac{200}{100}\times 97+\frac{200}{100}\times 29+\frac{50}{100}\times 38=401 \text{ kcal}.$$

Thực đơn D có năng lượng ít nhất nên phù hợp nhất cho việc giảm cân trong bốn thực đơn.

Câu 27. ***Biểu đồ cột kép ở*** *Hình 4* ***biểu diễn lượng mưa và lượng bốc hơi tại ba địa điểm là Hà Nội, Huế và Thành phố Hồ Chí Minh vào mùa mưa.***



Cân bằng ẩm là hiệu của lượng mưa và lượng bốc hơi. Từ biểu đồ *Hình 4*, cho biết cân bằng ẩm ở nơi nào thấp nhất ?

A. Hà Nội.

B. Thành phố Hồ Chí Minh.

C. Huế.

D. Hà Nội và Huế.

Lời giải

Chọn B

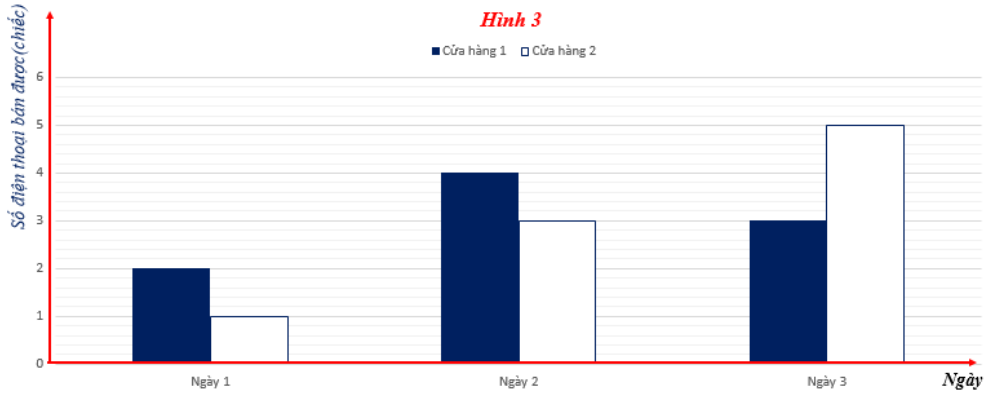
Cân bằng ẩm ở Hà Nội là $1667-989=678(\text{mm})$

Cân bằng ẩm ở Huế là $2868-1000=1868(\text{mm})$

Cân bằng ẩm ở TP HCM là $1931-1686=245(\text{mm})$

Vậy cân bằng ẩm ở TP HCM là thấp nhất.

Câu 28. *Biểu đồ hình 3 thống kê số điện thoại bán ra trong ba ngày của hai cửa hàng điện tử.*



Do mới khai trương nên cửa hàng 2 có chương trình giảm giá 10% cho khách hàng mua trong hai ngày đầu. Nếu trung bình mỗi chiếc điện thoại bán ra có giá 7 500 000 (đồng). Trong ba ngày cửa hàng thứ hai bán được tất cả bao nhiêu tiền ?

A. 67 500 000 (đồng). **B.** 64 500 000 (đồng).

C. 65 400 000 (đồng). **D.** 60750000 (đồng)

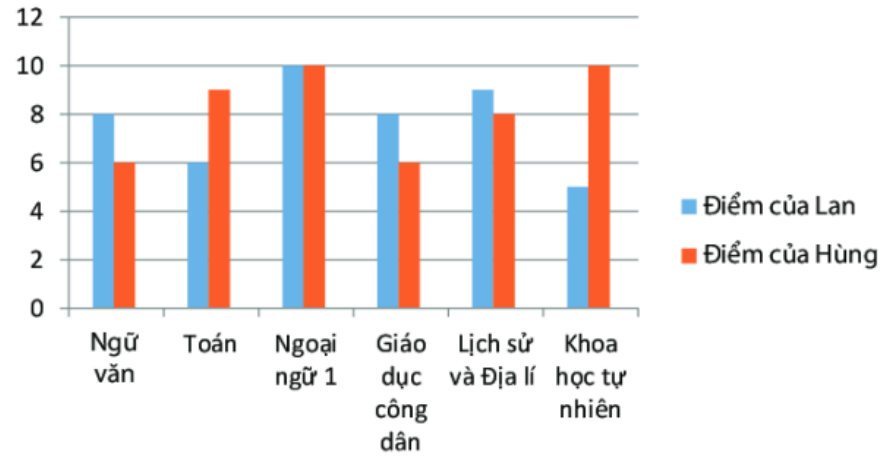
Lời giải

Chọn B

Trong ba ngày cửa hàng thứ hai bán được số tiền là

$$7\ 500\ 000.4.10\% + 7500000.5 = 64500000 \text{ (đồng)}$$

Biểu đồ cột kép sau đây biểu diễn điểm kiểm tra các môn học của hai bạn Lan và Hùng.



Biết rằng môn Văn, Toán và Ngoại ngữ 1 tính điểm hệ số 2, các môn còn lại tính điểm hệ số 1. Sử dụng biểu đồ trên để trả lời câu 29 ***và câu*** 30.

Câu 29. Điểm trung bình các môn học của bạn Lan là *(kết quả làm tròn đến phần mười)*

A. 7,8. **B.** 7,7. **C.** 8,7. **D.** 8,8.

Lời giải

Chọn A

Điểm trung bình các môn học của Lan là $\frac{8.2+6.2+10.2+8+9+5}{9} \approx 7,8$

Câu 30. Điểm trung bình các môn học của bạn Hùng là *(kết quả làm tròn đến phần mười)*

A. $8,2$. **B.** $8,1$. **C.** $8,3$. **D.** $8,4$.

Lời giải

Chọn A

Điểm trung bình các môn học của Lan là $\frac{6.2+9.2+10.2+6+8+10}{9} \approx 8,2$